

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HẰNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT (2018-2020)

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU CHƯ SÊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MST: 5900190497 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-CSCS

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2021

Năm báo cáo: năm 2021.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước:

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Ước thực hiện năm 2021
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	Tấn	2.663,89	2.320,99	2.465,59	2.266
a)	Sản lượng cao su khai thác	Tấn	2.663,89	2.314,20	2.454,84	2.266
b)	Sản lượng cao su thu mua	tấn		6,79	10,75	0
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	171,98	131,79	147,00	132,72
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	37,99	26,14	16,17	21,53
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	12,28	10,10	28,12	26,27
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	1.439,74	512,19	617,40	790,90
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	46,77	63,98	46,42	235,20
a)	- Nguồn ngân sách	“				0,00
b)	- Vốn vay	“	15,07	10,76	9,82	125,29
c)	- Vốn chủ sở hữu	“	30,23	53,22	36,60	109,91
d)	- Vốn khác	“	1,47	0	0	0
8	Tổng lao động	Người	1.188	977	933	909
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	62,76	62,59	63,26	58,35
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,70	2,16	2,45	2,33
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	61,06	60,43	60,81	56,02

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:

Báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm của doanh nghiệp:

Hiện nay Công ty đang thực hiện đầu tư vào 01 dự án nhóm A với tổng mức đầu tư 517,553 tỷ đồng và 06 dự án nhóm B với tổng mức vốn đầu tư là 1.128,727 tỷ đồng. Trong đó tình hình đầu tư của từng dự án như sau:

- Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Nam Pleiku thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật của KCN với tổng diện tích mặt đất sử dụng là 191,55 ha với tổng mức đầu tư 517,553 tỷ đồng, cơ cấu bố trí nguồn vốn là 30% từ vốn chủ sở hữu của công ty tương đương 155,266 tỷ đồng và 70% nguồn vốn còn lại là nguồn vay tín dụng ngân hàng và huy động từ các nhà đầu tư vào KCN. Dự kiến dự án thực hiện đầu tư trong 4 năm với 02 giai đoạn với giai đoạn 1 từ năm 2020-2022 và giai đoạn 2 từ năm 2023-2024. Hiện dự án đã triển khai các bước giai đoạn chuẩn bị đầu tư từ năm 2018. Tính đến 31/12/2020 dự án đã thực giải ngân đầu tư với số tiền 14,805 tỷ đồng đạt 2,86% kế hoạch, dự án chưa thực hiện vay vốn tại ngân hàng và huy động nguồn vốn từ các nhà đầu tư mà dự kiến sẽ thực hiện trong năm 2021. Dự án của Công ty đầu tư thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và được thực hiện tại Huyện Chư Sê và Huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, dự án thỏa mãn các điều kiện để được thụ hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật đầu tư. Tuy nhiên do diện tích đất thực hiện dự án không phải là đất được nhà nước cho thuê mới mà là đất được nhà nước cho phép chuyển đổi mục đích nên gặp vướng mắc khi áp dụng việc ưu đãi miễn tiền thuê đất. Ngày 16/12/2020 Bộ tài chính đã có Công văn số 15515/BTC-TCT nêu dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku không thuộc trường hợp được miễn tiền thuê đất. Việc dự án không được hưởng ưu đãi về tiền thuê đất dẫn đến giá mặt bằng cho thuê trong khu công nghiệp cao, khó thu hút các nhà đầu tư.

- Dự án trồng cao su tiểu khu 964, 965 thực hiện trồng, chăm sóc, khai thác, kinh doanh 784 ha cao su với tổng mức đầu tư 154,429 tỷ đồng, cơ cấu bố trí nguồn vốn là 70% từ nguồn vốn điều lệ Công ty tương đương 108,100 tỷ đồng và 30% nguồn vốn từ vay tín dụng tương đương 46,329 tỷ đồng. Dự án đã đi vào triển khai từ năm 2010. Tính đến 31/12/2020 dự án đã giải ngân đầu tư 103,473 tỷ đồng đạt 67% kế hoạch. Năm 2020 dự án đã đưa 421,85 ha cao su vào khai thác với giá trị tài sản hình thành đưa vào sử dụng là 56,588 tỷ đồng, giá trị XDCB dở dang còn lại là 44,4 tỷ đồng. Dự án huy động từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Công thương CN Gia Lai đến 31/12/2020 là 23,088 tỷ đồng đạt 49,83% so kế hoạch, đã trả nợ ngân hàng 8,237 tỷ đồng, dư nợ còn lại 14,851 tỷ đồng.

- Dự án trồng cao su tiểu khu 963, 964, 965 thực hiện trồng, chăm sóc, khai thác, kinh doanh 370 ha cao su với tổng mức đầu tư 84,74 tỷ đồng, cơ cấu bố trí nguồn vốn là 70% từ nguồn vốn điều lệ Công ty tương đương 59,318 tỷ đồng và 30% nguồn vốn từ vay tín dụng tương đương 25,422 tỷ đồng. Dự án đã đi vào triển khai đầu tư từ năm 2011. Tính đến 31/12/2020 dự án đã thực hiện giải ngân đầu tư được 43,968 tỷ đồng đạt 51,88% kế hoạch. Huy động từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Công thương CN Gia Lai đến 31/12/2020 là 9,495 tỷ đồng đạt 37,34% so kế hoạch, đã trả nợ ngân hàng 1,4 tỷ đồng, dư nợ còn lại 8,095 tỷ đồng.

- Dự án trồng cao su tiểu khu 955A,959,963 thực hiện trồng, chăm sóc, khai thác, kinh doanh 789 ha cao su với tổng mức đầu tư 175,934 tỷ đồng, cơ cấu bố trí nguồn vốn là 70% từ nguồn vốn điều lệ Công ty tương đương 123,154 tỷ đồng và 30% nguồn vốn từ vay tín dụng tương đương 52,78 tỷ đồng. Dự án đã đi vào triển khai đầu tư từ năm 2011. Tính đến 31/12/2020 dự án đã thực hiện giải ngân đầu tư được 89,123 tỷ đồng đạt 50,65% kế hoạch. Huy động từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Công thương CN Gia Lai đến 31/12/2020 là 25,990 tỷ đồng đạt 49,24% so kế hoạch, đã trả nợ ngân hàng 6,202 tỷ đồng, dư nợ còn lại 19,788 tỷ đồng.

- Dự án trồng cao su tiêu khu 985, 994 thực hiện trồng, chăm sóc, khai thác, kinh doanh 773 ha cao su với tổng mức đầu tư 176,655 tỷ đồng, cơ cấu bố trí nguồn vốn là 70% từ nguồn vốn điều lệ Công ty tương đương 123,659 tỷ đồng và 30% nguồn vốn từ vay tín dụng tương đương 52,997 tỷ đồng. Dự án đã đi vào triển khai đầu tư từ năm 2011. Tính đến 31/12/2020 dự án đã thực hiện giải ngân đầu tư được 78,225 tỷ đồng đạt 44,28% kế hoạch. Huy động từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Công thương CN Gia Lai đến 31/12/2020 là 19,817 tỷ đồng đạt 37,39% so kế hoạch, đã trả nợ ngân hàng 8,493 tỷ đồng, dư nợ còn lại 11,324 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư tái canh và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản thực hiện trồng, chăm sóc, khai thác, kinh doanh 1.190,17 ha cao su với tổng mức đầu tư 208,536 tỷ đồng, cơ cấu bố trí nguồn vốn là 70% từ nguồn vốn điều lệ Công ty tương đương 145,975 tỷ đồng và 30% nguồn vốn từ vay tín dụng tương đương 62,561 tỷ đồng. Đến nay dự án đã đi vào triển khai đầu tư từ năm 2013 và dự kiến sẽ đi vào khai thác vào năm 2021 đảm bảo theo kế hoạch đã đề ra. Tính đến 31/12/2020 dự án đã thực hiện giải ngân đầu tư được 113,632 tỷ đồng đạt 54,49% kế hoạch, trong đó huy động từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển CN Gia Lai đến 31/12/2020 là 24,444 tỷ đồng đạt 39,07 % so kế hoạch, đã trả nợ ngân hàng 1,5 tỷ đồng, dư nợ còn lại 22,944 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư tái canh và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản thực hiện trồng, chăm sóc, khai thác, kinh doanh 4.695,06 ha cao su với tổng mức đầu tư 328,433 tỷ đồng, cơ cấu bố trí nguồn vốn là 80% từ nguồn vốn điều lệ Công ty tương đương 262,750 tỷ đồng và 20% nguồn vốn từ vay tín dụng tương đương 65,687 tỷ đồng. Dự án đã đi vào triển khai đầu tư từ năm 2016 và dự kiến sẽ đi vào khai thác vào năm 2022. Tính đến 31/12/2020 dự án đã thực hiện giải ngân đầu tư được 148,919 tỷ đồng đạt 45,34% kế hoạch. trong đó huy động từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Vietcombank CN Gia Lai đến 31/12/2020 là 13,988 tỷ đồng đạt 21,29% so kế hoạch.

Trong năm 2020 Công ty đã đưa vào khai thác 421,85 ha với sản lượng bước đầu thu được là 314,1 tấn mù cao su. Theo kế hoạch trong năm 2021 công ty tiếp tục đưa thêm 1 phần diện tích vườn cây đang ngưng đầu tư nhưng có khả năng khai thác với diện tích khoảng hơn 210 ha để nâng cao sản lượng mù của công ty, thu hồi vốn đầu tư, nâng cao thu nhập cho người lao động tại chỗ.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm: Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Công ty nhiều năm qua vẫn giữ được những khách hàng ở các quốc gia như Đài Loan, Singapore. Nhờ tạo được uy tín về chất lượng, tạo được thương hiệu trên thị trường nên những năm vừa qua Công ty đã ký được nhiều hợp đồng xuất khẩu, tạo được thị trường tiêu thụ tương đối ổn định. Tuy nhiên, năm qua tình hình sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ của Công ty có giảm so với các năm trước, năng suất của vườn cây ngày càng thấp do bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, diện tích khai thác ngày càng giảm do vườn cây đến thời kỳ thanh lý. Bên cạnh đó đại dịch Covid-19 bùng phát năm 2020 đã tác động nặng nề đến kinh tế thế giới nói chung và kinh tế nước ra nói riêng. Sản xuất kinh doanh bị đình trệ, chuỗi cung ứng hàng hóa bị đứt gãy gián đoạn, các nước áp dụng các biện pháp phong tỏa, hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp sụt giảm nghiêm trọng, các doanh nghiệp bị tác động mạnh phải hoạt động cầm chừng, thu hẹp sản xuất hoặc dừng hoạt động. Xuất khẩu ngưng trệ ảnh hưởng lớn đến giá cả các mặt hàng nông, lâm, thủy sản trong đó có mặt hàng cao su.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thuận lợi:

Công ty đã áp dụng quy trình chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, tuân thủ theo tốt ISO/IEC 17025:2005 với mã Vilas 281 và đã được cấp chứng chỉ mũ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm mù cao su xuất khẩu nên tạo được uy tín đối với những

khách hàng lâu năm, ngoài ra còn thu hút khách hàng gia công mủ. Công ty đã xây dựng và duy trì được những khách hàng truyền thống, xây dựng và giữ vững thương hiệu ở trong nước cũng như một số nước như Đài Loan, Singapor..., Công ty có đội ngũ cán bộ Công nhân viên lành nghề, tận tâm, cầu tiến.

Khó khăn:

Tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, thời tiết khí hậu biến đổi thất thường, thiên tai, dịch bệnh... Diện tích cao su kinh doanh ngày càng giảm do đã đến thời kỳ thanh lý, vườn cây già cỗi cho sản lượng thấp nên làm giảm sản lượng khai thác và tiêu thụ. Giá cao su biến động theo chiều hướng giảm, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, từ đó làm ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động dẫn đến người lao động liên tục nghỉ việc, lao động tuyển mới có tay nghề không cao, tốn thời gian và chi phí đào tạo, tay nghề chưa ổn định làm giảm năng suất khai thác mủ, ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây. Cung cao su ngày càng nhiều hơn cầu, gây khó khăn cho việc tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Việc triển khai dự án KCN Nam Pleiku là lĩnh vực hoàn toàn mới đối với công ty, bước đầu triển khai gặp rất nhiều khó khăn đặc biệt giải quyết vướng mắc miễn tiền thuê đất của dự án như đã trình bày ở trên. Ngoài ra trong năm 2020-2021 do bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 dẫn đến các nhà đầu tư hạn chế trong việc đi lại, đầu tư đã ảnh hưởng lớn đến việc thu hút đầu tư và tiến độ triển khai của dự án như kế hoạch.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Công ty tiếp tục duy trì, giữ vững thị trường xuất khẩu tại Đài Loan, Singapor, tiếp tục tìm kiếm thị trường mới.

Thực hiện tái canh, trồng mới để thay thế cho vườn cây thanh lý, vườn cây già cỗi, để liên tục có vườn cây trong giai đoạn khai thác, công ty luôn quản lý tốt công tác sản lượng, quyết liệt trong điều hành, động viên, động viên khuyến khích người lao động tăng năng suất, chất lượng để khai thác hết khả năng của vườn cây nhằm tạo ra sản phẩm, thực hiện ký kết các hợp đồng hợp tác xen canh trong vườn cây cao su để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo thêm doanh thu, lợi nhuận đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho người lao động, để người lao động yên tâm công tác và cống hiến lâu dài cho Công ty.

Công ty xem xét phương án chuyển các dự án trồng cao su không hiệu quả thành dự án phát triển trồng cây gỗ lớn, cây bản địa, kết hợp trồng xen dưới tán rừng để tạo nguồn phát triển rừng theo định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn hiện nay đồng thời tìm kiếm đối tác có năng lực phù hợp và có sự đồng thuận của địa phương để chuyển nhượng thành công các dự án trồng cao su không hiệu quả tại xã Ialau, Iamor, Huyện Chư Prông thông qua hình thức bán đấu giá theo quy định hiện hành.

Công ty quyết liệt tiết giảm tối đa các chi phí như nguyên, nhiên, vật liệu, bán hàng, chi phí quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh linh hoạt, sâu sát, kịp thời để điều hành Công ty đạt và vượt kế hoạch Tập đoàn giao, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước.

Tranh thủ tối đa các nguồn tiền có được để kịp thời thanh toán các khoản nợ đến hạn, đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Khoản đầu tư vào công ty CP Cao su Chư Sê-Kampongthom đã mang lại hiệu quả cao trong năm 2020 với tổng doanh thu đạt 579,643 tỷ đồng, tổng lợi nhuận sau thuế đạt 82,189 tỷ đồng. Công ty hiện chỉ mới đưa 11.279 ha cao su vào khai thác, diện tích 4.989 ha cao su còn lại vẫn đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản. Diện tích cao su kinh doanh của công ty đang ở những năm đầu tiên của chu kỳ khai thác nên sản lượng và năng suất chưa thật sự cao. Dự kiến trong các năm tới khi đưa hết diện tích cao su KTCB vào khai thác, năng suất và sản lượng cao su sẽ tăng

lên rất cao thì Công ty CP Cao su Chur Sê-Kampongthom sẽ còn có lợi nhuận cao hơn nữa và thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông, thu hồi vốn đầu tư, tăng hiệu quả đầu tư của dự án.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con.

2.1 Danh sách các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ.

Số TT	Tên Công ty nhận vốn góp	VĐL được duyệt	Tỷ lệ vốn C.ty góp	<i>DVT: Triệu đồng</i>
				Vốn đã góp đến 31/12/2020
1	Công ty CP Chur Sê Kampong Thom	2.555.250	49,47%	1.116.499

2.2 Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này.

Năm 2020 Công ty CP Cao su Chur Sê Kampong Thom hiện đang khai thác 11.279 ha, chăm sóc 4.989 ha, kết quả đạt được như sau:

- Sản lượng khai thác: 18.752,60 tấn.
- Sản lượng tiêu thụ : 18.959,92 tấn.
- Doanh thu bán mủ : 573,58 tỷ đồng.

2.3. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty con.

Công ty Cổ phần Cao su Chur Sê Kampong Thom được thành lập năm 2009 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900614851 do sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 2.555 tỷ đồng. Công ty có 3 cổ đông, trong đó Công ty TNHH MTV Cao su Chur Sê góp 49,47% vốn điều lệ.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

I. Tổng tài sản:	2.937.177 triệu đồng
1. Tài sản ngắn hạn:	196.972 triệu đồng
- Phải thu ngắn hạn:	12.679 triệu đồng
- Tài sản dài hạn :	2.740.205 triệu đồng
II. Tổng nguồn vốn:	2.937.177 triệu đồng
1. Nợ phải trả:	476.901 triệu đồng
- Nợ ngắn hạn:	112.631 triệu đồng
- Nợ dài hạn:	364.270 triệu đồng
2. Nguồn vốn chủ sở hữu:	2.460.276 triệu đồng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC VI

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU CHƯ SÊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MST: 5900190497 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-CSCS

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2021

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH: không có

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

1.1. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải :

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân viên được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Phần cặn định kỳ thuê đơn vị hút hầm cầu xử lý.

- Nước thải sản xuất: Năm 2006, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng đầu tư khai thác với Công ty TNHH KHCNMT Quốc Việt theo hình thức BO. Công ty TNHH KHCNMT Quốc Việt đã đầu tư và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải theo phương pháp hóa sinh tại nhà máy chế biến cao su IaGlai với công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm và đưa vào vận hành năm 2007, công suất thực tế tiếp nhận xử lý hiện nay khoảng 200 m³/ngày.

- Hàng năm Công ty đều thuê các đơn vị có chức năng lập báo cáo giám sát môi trường theo nội dung yêu cầu theo các chỉ tiêu về nước thải, nước sinh hoạt, kết quả phân tích mẫu nước xả thải tại nơi tiếp nhận xả thải cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép, nước thải đạt loại B, QCVN 01:2015/BTNMT. Hiện tại hệ thống này đang hoạt động tốt.

1.2. Biện pháp thu gom, xử lý khí thải và mùi hôi:

- Xử lý khí thải và mùi phát sinh trong quá trình sản xuất tại nhà máy chế biến mủ cao su:

+ Nhà máy chế biến mủ đã lắp đặt hệ thống tháp khử mùi cho lò sấy mủ tạp.

+ Đối với mủ nguyên liệu chưa kịp chế biến trong ngày, Xí nghiệp sử dụng bạt phủ để hạn chế mùi phát tán. Ngoài ra, để tăng cường hiệu quả khử mùi, Xí nghiệp đang sử dụng chế phẩm sinh học DEORUP 10% xử lý mùi hôi của nguyên liệu là mủ đông, tạp và nước thải phát sinh tại khu vực sản xuất.

- Hạn chế mùi hôi phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải: Công ty TNHH KHCNMT Quốc Việt đã đưa ra các biện pháp khắc phục như tại các bể tạt thu mủ, do quá trình vớt mủ được thực hiện định kỳ nên tất cả mặt bể được phủ một lớp bạt hạn chế mùi hôi phát tán. Đồng thời thể tích các bể tại đây không lớn nên thời gian lưu không lâu. Sau đó, nước thải được châm hóa chất và chuyển qua cụm 2 để xử lý bằng đường ống kín. Khi qua cụm 2, nước thải được xử lý tại các bể kỵ khí, dưới tác dụng của quá trình phân hủy kỵ khí trong môi trường huyền phù sắt tạo nên hệ vi sinh Anamox hạn chế tối đa mùi hôi, đồng thời xử lý sâu các hợp chất ô nhiễm.

- Hàng năm Công ty đều thuê các đơn vị có chức năng lập báo cáo giám sát môi trường theo nội dung yêu cầu trong và các chỉ tiêu về khí thải đều đạt ngưỡng cho phép. Ngoài ra Công ty TNHH KHCNMT Quốc Việt định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, đảm bảo hệ thống luôn

vận hành ổn định. Định kỳ hàng năm vệ sinh toàn bộ hệ thống xử lý nước thải trong thời gian Nhà máy hết niên vụ sản xuất, đảm bảo hệ thống xử lý đáp ứng được yêu cầu xử lý trong các mùa vụ sản xuất, đảm bảo hệ thống xử lý đáp ứng được yêu cầu xử lý trong các mùa vụ sản xuất.

1.3. Biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn :

- Chất thải thông thường: chủ yếu là rác thải sinh hoạt, được thu gom, lưu giữ tạm thời tại các thùng chứa rác được công ty trang bị, hàng tuần thuê đơn vị ngoài vận chuyển đến khu xử lý tập trung của huyện để xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất: Chủ yếu là các loại mù tạt thu trong quá trình xử lý nước thải, được thu gom và bán cho các cơ sở tái chế.

- Chất thải nguy hại: được Xí nghiệp thu gom, phân loại theo đúng quy định của pháp luật, lưu giữ tạm thời tại kho lưu trữ chất thải nguy hại. Định kỳ hàng năm, Công ty hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện, có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

1.4 Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Không chế tiếng ồn do hoạt động sản xuất phát ra tại khu vực như khu vực sấy, đóng gói,... bằng các biện pháp sau:

+ Trang bị nút bịt tai, khẩu trang cho công nhân sản xuất trực tiếp tại các khâu phát sinh tiếng ồn, bụi.

+ Trồng cây xanh xung quanh Xí nghiệp.

+ Thường xuyên kiểm tra sự cân bằng máy móc thiết bị, tra dầu mỡ cho các động cơ để giảm thiểu tiếng ồn.

+ Nhà xưởng được xây dựng thông thoáng đảm bảo không khí trong nhà xưởng luôn được trao đổi với không khí bên ngoài.

- Giảm thiểu độ rung:

+ Biện pháp quản lý: Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, đặc biệt là các bộ phận chuyển động để làm giảm khả năng gây ồn, rung.

+ Biện pháp kỹ thuật: Xây dựng phòng đặt máy hợp lý; các chân đế, bệ máy đã được gia công bê tông chất lượng cao; lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su; kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết; tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc định kỳ.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2020	KH năm 2021
1	Xây dựng Cơ sở hạ tầng, giáo dục:	55	50
2	Quỹ đền ơn đáp nghĩa, người nghèo, chất độc da cam, mẹ Việt Nam AH:	56	60
3	Người tàn tật, trẻ mồ côi, quỹ bảo trợ trẻ em:	14	25
4	Thăm hỏi nhân ngày báo chí cách mạng 21/6, 20/11, tết trung thu :	45	50

5	Chi phụng dưỡng bà mẹ VNAH, hỗ trợ các xã nhân ngày 27/7, hỗ trợ tổ chức khác :	68	70
6	Tài trợ cho một số chương trình an sinh xã hội khác:	52	35
7	Hỗ trợ sửa chữa nhà cho người nghèo	15	
8	Ủng hộ lũ lụt, quỹ phòng chống thiên tai	138	
9	Một số khoản chi khác:	400	400
	Tổng cộng	842	690

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.

Thực hiện thanh toán đúng tiến độ khi mua vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất đối với khách hàng.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

Sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, không sử dụng hóa chất độc hại làm ảnh hưởng sức khỏe con người và môi trường xung quanh.

5. Quan hệ tốt với người lao động.

Công ty tổ chức đối thoại định kỳ giữa người lao động và người sử dụng lao động, thông qua đó tạo nên sự đoàn kết, thống nhất giữa người sử dụng lao động và người lao động, kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động nhằm xây dựng mối quan hệ hài hòa, ổn định trong doanh nghiệp.

6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp.

Công ty xây dựng Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể để đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động trong doanh nghiệp.

TỔNG GIÁM ĐỐC

